

Bản án số: 30/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 10 - 5 - 2023

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Thanh Bình

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đặng Minh Lý

2. Ông Nguyễn Văn Du

*- Thư ký phiên tòa:* Ông Hoàng Văn Quyết - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:* Bà Lưu Kim Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 27/2023/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị M, sinh năm 1986; địa chỉ: Số 28 Đường N7, Khu 1, phường P, TP. M, tỉnh Bình Dương, SĐT 0372.321.715, vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Huỳnh Văn X, sinh năm 1984; địa chỉ thường trú: Ấp C, xã H, huyện M, tỉnh An Giang; địa chỉ tạm trú: Nhà trọ ông Trần Văn T, địa chỉ Số 46 Đường N6, Khu 1, phường P, TP. M, tỉnh Bình Dương, SĐT 0971378685, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*- Tại Đơn khởi kiện đề ngày 21/11/2022 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị M trình bày:*

Bà M và ông Huỳnh Văn X là vợ chồng, chung sống và đăng ký kết hôn với nhau ngày 04/10/2017 tại UBND xã H, huyện M, tỉnh An Giang, Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 133.

Sau khi kết hôn, bà M và ông X về địa chỉ Nhà trọ ông Trần Văn T, Số 46 Đường N6, Khu 1, phường P, TP. M, tỉnh Bình Dương sinh sống. Thời gian đầu sinh sống hạnh phúc, cả hai chăm lo làm việc để tăng thu nhập cho gia đình. Tuy nhiên, không biết nguyên nhân gì đến khoảng tháng 1, 2 năm 2022 thì ông X bắt

đầu nghiện uống bia rượu. Bà M hỏi lý do uống bia rượu thì ông X không trả lời. Bà M khuyên can nhưng ông X không thay đổi dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn. Mỗi lần, ông X uống bia rượu về là chửi bới bà M, đập phá đồ đạc trong nhà, mọi người ở khu nhà trọ ai cũng biết, bà M cảm thấy rất xấu hổ. Bà M khuyên can nhiều lần nhưng ông X không nghe, bà M nhờ cha mẹ ông X khuyên can nhưng ông X cũng không nghe. Bắt đầu từ tháng 9/2022 thì tình cảm vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng. Bà M cảm thấy không thể nào chung sống với ông X được nữa nên tháng 11/2022, bà M nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Sau khi nộp đơn, bà M về nhà cha mẹ ruột tại địa Số 28 Đường N7, Khu 1, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương sinh sống cho đến nay. Hiện nay, bà M nhận thấy không còn tình cảm với ông X nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Thời gian sống chung, bà M và ông X không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn bà Trần Thị Mau giao nộp các tài liệu, chứng cứ sau: *CCCD của bà M; Giấy CMND của ông X (bản chứng thực); Đơn đề nghị xác nhận tạm trú ngày 18/11/2022 của bà M có xác nhận của Công an phường P đối với địa chỉ tạm trú của ông Huỳnh Văn X (bản chính); Giấy chứng nhận kết hôn của bà M, ông X (bản chứng thực).*

**- Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Huỳnh Văn X không đến Tòa án trình bày sự việc, giao nộp chứng cứ, không tham gia phiên họp về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.**

**Tại phiên tòa,**

- Nguyên đơn bà Trần Thị M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn ông Huỳnh Văn X đã được triệu tập họp lệ lần thứ 2 nhưng không đến tham gia phiên tòa. Do đó, căn cứ các điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa xét xử vắng mặt ông X.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm; nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đại diện Viện kiểm sát xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà M.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà M không yêu cầu nên không đại diện Viện kiểm sát không phát biểu ý kiến.

+ Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm: Không.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án (quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự). Do bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự). Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn liên quan đến quyền nhân thân nên thuộc trường hợp không áp dụng thời hiệu khởi kiện (quy định tại Điều 39, khoản 1 Điều 155 của Bộ luật Dân sự).

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng:

[2.1] Về hôn nhân: Bà M, ông X chung sống với nhau có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của ông bà được tôn trọng và pháp luật bảo vệ. Bà M nộp đơn yêu cầu ly hôn do ông X nghiện uống bia rượu, đập phá đồ đạc và chửi mắng, xúc phạm bà M. Ông X không đến Tòa án trình bày ý kiến, phản bác lại ý kiến của bà M. Do đó, ý kiến trình bày của bà M thuộc trường hợp tình tiết không cần phải chứng minh quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét thấy, vợ chồng phải biết yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau cùng xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc. Tuy nhiên, qua lời trình bày của bà M, thấy rằng: Mâu thuẫn tình cảm giữa bà M và ông X là có thật, nguyên nhân mâu thuẫn do ông X nghiện uống bia rượu, đập phá đồ đạc, chửi mắng và xúc phạm bà M. Bà M và gia đình khuyên can nhưng ông X không thay đổi. Hiện tại, bà M và ông X đã sống ly thân nhau, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, nền tảng một gia đình hạnh phúc không có. Tòa án thông báo cho ông X đến hòa giải, hàn gắn tình cảm nhưng ông X không đến. Chứng tỏ ông X cũng không còn tình cảm với bà M, không mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Xét thấy mâu thuẫn giữa bà M và ông X đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà M.

[2.2] Về con chung: Thời gian chung sống, bà M và ông X không có con chung nên Tòa án không xem xét giải quyết việc nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà M không yêu cầu nên Tòa không giải quyết.

[3] Từ những nhận định trên, xét thấy ý kiến phát biểu về quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên có căn cứ nên Tòa chấp nhận.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà M phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật, được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp trước đây.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, khoản 4 Điều 147, các điều 266, 273, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 39, khoản 1 Điều 155 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ các điều 56, 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

**1.** Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị M đối với bị đơn ông Huỳnh Văn X về việc “Ly hôn”.

- Về hôn nhân: Bà Trần Thị M được ly hôn ông Huỳnh Văn X (theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 133, ngày 04/10/2017 của UBND xã H, huyện M, tỉnh An Giang cấp cho bà M, ông X)

- Về con chung Không có.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà M không yêu cầu giải quyết.

**2.** Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Bà M chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) đã nộp trước đây theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0002291, ngày 06/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

**3.** Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Bà M, ông X có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án. Viện Kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND TP. Thủ Dầu Một;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thanh Bình**